

BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Tháng 01 – Đợt 2

1. **Tên nhiệm vụ:** Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp

2. **Ngày quan trắc:** 23 – 24/01/2025

Ngày cung cấp TT: 25/01/2025

3. **Tình trạng hoạt động của các cống khi lấy mẫu:**

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Tình trạng hoạt động của cống
1	1	Cống Như Trác	Cống mở.
2	2	Cống Hữu Bị	Cống mở.
3	3	Cống Cốc Thành	Cống mở.
4	4	Cống sông Chanh	Cống vừa đóng.
5	5	Cống Nhâm Tràng	Cống mở.
6	6	Cống Kinh Thanh	Cống đóng.
7	7	Cống Cô Đàm	Cống mở.
8	8	Cống Vĩnh Trị	Cống vừa đóng.
9	12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Cống mở hé.
10	13	Đầu kênh CG16	Cống mở.
11	16	Đập Vùa (CG12)	Đập đóng.

4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc: 20 vị trí

5. Đơn vị thực hiện: Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý CLN, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi

Người cung cấp thông tin: Trịnh Xuân Hoàng – Trưởng phòng

6. Đơn vị nhận thông tin: Cục Thủy lợi, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Hà Nam, Chi cục thủy lợi Hà Nam, Chi cục thủy lợi Nam Định.

KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Bảng tóm tắt:

Căn cứ theo các quy chuẩn: QCVN 08:2023 và số liệu khảo sát hiện trường sơ bộ nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các hạng như sau:

A – Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): Công Như Trác, Công Hữu Bị, Công Cốc Thành, Công Sông Chanh, Công Nhâm Tràng, Công Kinh Thanh, Công Cổ Đàm, Công Vĩnh Trị, Đầu kênh T3, Cầu đường 10 với sông Sát, Đầu kênh S17.

B – Sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp, công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): Các vị trí đạt giới hạn trên, Đập An Bài (sông Châu Giang), Công 3-2, Đập Vùa (CG12), Cầu Chũ (sông Châu Giang), Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy), Bể hút trạm bơm Quý Độ, Đầu kênh T5.

C – Sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp), không gây mùi khó chịu: Các vị trí đạt giới hạn trên, Đầu kênh C9, Đầu kênh CG 16.

D – Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp: Các vị trí đạt giới hạn trên,

Bảng chi tiết:

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2023 - A				6.5 – 8.5		≥ 6					
QCVN 08:2023 - B				6 – 8.5		≥ 5					
QCVN 08:2023 - C				6 – 8.5		≥ 4					
QCVN 08:2023 - D				< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
1	Cổng Như Trác	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh Như Trác tưới cho khu vực Huyện Lý Nhân và phần Bắc huyện Bình Lục.	Trời nắng, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 66%, gió ĐN 12 km/h. Dòng chảy chậm. Cổng mở lấy nước vào nội đồng. Trạm bơm lấy nước lên kênh tưới. Nước màu vàng đục.	7.59	19.7	6.79	0.1	0.202	0.077	226	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
2	Cổng Hữu Bị	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh Hữu Bị tưới cho khu vực Huyện Mỹ Lộc và phần Bắc huyện Bình Lục.	Trời nắng, nhiệt độ 24°C, độ ẩm 66%, gió ĐN 14 km/h. Dòng chảy rất chậm. Cổng mở đang lấy nước vào nội đồng. Trạm bơm đang bơm nước lên kênh tưới. Nước màu vàng đục.	7.43	36.5	6.92	0.1	0.186	0.070	218	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
3	Cổng Cốc	Kiểm tra chất lượng nước hệ	Trời lạnh, nhiệt độ 18°C, độ ẩm 95%, gió	6.76	24.5	7.6	0.1	0.264	0.045	249	Các chỉ tiêu

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
			QCVN 08:2023 - A	6.5 – 8.5		≥ 6					
			QCVN 08:2023 - B	6 – 8.5		≥ 5					
			QCVN 08:2023 - C	6 – 8.5		≥ 4					
			QCVN 08:2023 - D	< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
	Thành	thông kênh Cốc thành tưới cho khu vực Huyện Vụ Bản.	Đ 9 km/h. Dòng chảy vừa, cống mở lấy nước vào nội đồng. Trạm bơm lấy nước lên kênh tưới. Nước màu vàng đục.								quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
4	Cống Sông Chanh	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tiêu sông Chanh và tưới bổ sung cho khu vực Nam huyện Vụ Bản.	Trời râm, nhiệt độ 22°C, độ ẩm 70%, gió ĐN 13 km/h. Không có dòng chảy, cống vừa đóng. Nước màu vàng lục.	6.92	28.7	7.15	0.1	0.303	0.050	268	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
5	Cống Nhâm Tràng	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới Nhâm Tràng, tưới cho Huyện Thanh Liêm và phần phía Bắc huyện Ý	Trời lạnh, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 87%, gió ĐN 9 km/h. Dòng chảy chậm, cống mở, đang lấy nước vào nội đồng. Nước màu vàng lục.	6.36	38.6	6.43	0.2	0.334	0.068	449	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		Yên, bổ sung nước vào hệ thống cuối kênh Như Trác.									
6	Công Kinh Thanh	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tưới cho Huyện Thanh Liêm.	Trời lạnh, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 87%, gió ĐN 9 km/h. Không có dòng chảy, công đóng. Trạm bơm đang bơm nước lên kênh tưới. Nước màu vàng lục.	6.27	69.9	6.57	0.2	0.319	0.041	460	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
7	Công Cỏ Đam	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới Cỏ Đam, tưới cho Huyện Ý Yên	Trời lạnh, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 88%, gió Đ 9 km/h. Dòng chảy chậm, công mở lấy nước vào nội đồng. Trạm bơm nước lên kênh tưới. Nước màu vàng lục.	6.92	18.6	6.13	0.2	0.295	0.059	475	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
8	Công Vĩnh	Kiểm tra chất lượng nước hệ	Trời râm, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 66%, gió	7.53	17.2	6.54	0.1	0.140	0.047	223	Các chỉ tiêu

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
	Trị	thông kênh tưới, tiêu kết hợp, tưới cho Huyện Ý Yên và Huyện Vụ Bản.	ĐN 12 km/h. Không có dòng chảy. Cống vừa đóng. Nước màu vàng đục.								quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
9	Đầu kênh T3	Kiểm tra chất lượng nước trên kênh T3 là kênh trực tiếp nhận nước thải dục thành phố Nam Định.	Trời lạnh, nhiệt độ 18°C, độ ẩm 95%, gió Đ 9 km/h. Dòng chảy chậm ra hướng ngã ba sông Chanh. Nước màu vàng lục.	6.92	29.6	6.08	0.2	0.326	0.081	309	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
10	Đầu kênh C9	Kiểm tra chất lượng nước tưới tiêu kết hợp và nước thải từ KCN Bảo Minh, thành phố Nam Định với các ngành sản xuất: dệt,	Trời râm, nhiệt độ 22°C, độ ẩm 70%, gió ĐN 13 km/h. Dòng chảy rất chậm ra ngã ba sông Chanh. Nước màu vàng lục.	6.19	50.5	4.83	0.7	0.591	0.869	876	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		nhuộm, cơ khí, chế biến gỗ, đồ điện.									
11	Cầu đường 10 với sông Sắt	Kiểm tra chất lượng nước sông Sắt, tưới tiêu kết hợp khu vực phía nam huyện Ý Yên.	Trời râm, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 66%, gió ĐN 12 km/h. Dòng chảy chậm từ Vĩnh Trị về. Nước màu vàng lục.	7.12	17.3	6.12	0.1	0.155	0.043	247	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
12	Đập An Bái (sông Châu Giang)	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục.	Trời nắng, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 68%, gió ĐN 10 km/h. Dòng chảy chậm từ hướng sông Châu Giang vào sông Sắt, cống mở hé. Nước màu vàng đục.	7.27	18.3	5.61	0.4	0.334	0.041	526	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B
13	Đầu kênh CG 16	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới tiêu kết hợp và nhận	Trời nắng, nhiệt độ 24°C, độ ẩm 66%, gió ĐN 11 km/h. Không có dòng chảy, mực nước cạn. Cống	7.48	20.7	4.62	0.4	0.528	0.070	467	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		nước thải từ KCN Hòa Hậu.	mờ. Nước màu lục.								B
14	Công 3-2	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Mỹ Lộc.	Trời nắng, nhiệt độ 24°C, độ ẩm 66%, gió ĐN 11 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng. Mực nước nội đồng cao hơn. Nước màu vàng lục.	7.77	13.9	5.43	0.2	0.295	0.036	276	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B
15	Đầu kênh S17	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới, tiêu nông nghiệp huyện Ý Yên.	Trời lạnh, nhiệt độ 19°C, độ ẩm 91%, gió ĐN 8 km/h. Dòng chảy chậm hướng từ sông Sắt vào. Cống mở. Nước màu vàng lục.	7.09	26.7	6.2	0.2	0.280	0.054	384	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A
16	Đập Vũa (CG12)	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới cho Huyện Lý Nhân.	Trời nắng, nhiệt độ 24°C, độ ẩm 66%, gió ĐN 11 km/h. Không có dòng chảy, đập đóng, mực nước ngoài sông cao hơn.	7.36	34.2	5.12	0.4	0.435	0.054	406	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
			QCVN 08:2023 - A	6.5 – 8.5		≥ 6					
			QCVN 08:2023 - B	6 – 8.5		≥ 5					
			QCVN 08:2023 - C	6 – 8.5		≥ 4					
			QCVN 08:2023 - D	< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
			Nước màu vàng lục.								
17	Cầu Chủ (sông Châu Giang)	Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải các huyện Bình Lục, Lý Nhân.	Trời nắng, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 68%, gió ĐN 10 km/h. Dòng chảy chậm về hướng Hữu Bị. Nước màu vàng đục.	7.27	23.7	5.02	0.5	0.591	0.119	584	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B
18	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tiêu Huyện Thanh Liêm. Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải của huyện Thanh Liêm.	Trời lạnh, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 88%, gió ĐN 9 km/h. Dòng chảy chậm về hướng Cỏ Đam. Nước màu vàng lục.	7.18	18.5	5.36	0.3	0.474	0.092	497	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B
19	Bể hút trạm bơm Quý Độ	Kiểm tra chất lượng nước tại trạm bơm Quý Độ.	Trời lạnh, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 88%, gió ĐN 9 km/h. Không có dòng chảy, nước đứng. Nước màu vàng lục.	6.51	38.9	5.64	0.3	0.373	0.081	467	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		<i>QCVN 08:2023 - A</i>		6.5 – 8.5		≥ 6					
		<i>QCVN 08:2023 - B</i>		6 – 8.5		≥ 5					
		<i>QCVN 08:2023 - C</i>		6 – 8.5		≥ 4					
		<i>QCVN 08:2023 - D</i>		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
20	Đầu kênh T5	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới cho khu vực huyện Vụ Bản.	Trời lạnh, nhiệt độ 19°C, độ ẩm 93%, gió Đ 8 km/h. Không có dòng chảy, nước đứng. Nước màu vàng đục.	6.95	20.6	5.21	0.3	0.357	0.086	328	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B

Ghi chú:

QCVN 08:2023 Mức A: Chất lượng nước tốt. Hệ sinh thái trong môi trường nước có hàm lượng oxy hòa tan (DO) cao. Nước có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức B: Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức C: Chất lượng nước xấu. Hệ sinh thái trong nước có lượng oxy hòa tan giảm mạnh do chứa một lượng lớn các chất ô nhiễm. Nước không gây mùi khó chịu, có thể được sử dụng cho các mục đích sản xuất công nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức D: Nước có chất lượng rất xấu, có thể gây ảnh hưởng lớn tới cá và các sinh vật sống trong môi trường nước do nồng độ oxy hòa tan thấp, nồng độ chất ô nhiễm cao. Nước có thể được sử dụng cho các mục đích giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp *phần*

Nơi nhận:

- Cục Thủy lợi;
- Cty TNHH MTV KTCTTL Bắc Nam Hà;
- Cty TNHH MTV KTCTTL Hà Nam;
- Chi cục thủy lợi tỉnh Hà Nam;
- Chi cục thủy lợi tỉnh Nam Định;
- Lưu phòng TN&TVQLCLN,MT.

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2025

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI

